TAND HUYỆN CH.H **TỈNH T.Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2018/HSST
Ngày 05/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH.H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: *Ông Hồ Hữu Việt*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Huyên

2. Ông Lê Xuân Tiếu

- Thư ký phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Huyền Trang*, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch.H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ch.H tham gia phiên tòa: *Ông Hoàng Minh Tú*, Kiểm sát viên VKSND huyện Ch.H.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch.H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **H.Đ.L,** sinh ngày 04/06/1985; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: thôn C., xã H.L, huyện Ch.H, tỉnh T.Q; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông M.D.Th, sinh năm 1965 và bà T.T.H., sinh năm 1964; vợ: M.T.Đ., sinh năm 1988 (đã ly hôn); con 01 con, sinh năm 2007.

Tiền án: Ngày 12/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Ch.H tuyên phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc (Chưa được xóa án tích và chưa chấp hành xong khoản tiền án phí).

Tiền sự: 03 tiền sự;

+ Ngày 24/02/2017 bị UBND xã H.L, huyện Ch.H xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 25/10/2017 bị UBND xã H.L, huyện Ch.H xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 07/11/2017 bị UBND xã T.H., huyện Ch.H xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T.Q. (có mặt tại phiên tòa)

2. **H.Đ.L**, sinh ngày 14/12/1969; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: thôn C., xã H.L, huyện Ch.H, tỉnh T.Q; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông H.Đ.T, sinh năm 1928 và bà M.T.D, sinh năm 1930; vợ C.T.L, sinh năm 1970; con: 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/01/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q về tội Mua bán trái phép chất ma túy. (có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa cho bị cáo H.Đ.L:* Bà Vũ Thanh Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.Q. (có mặt tại phiên tòa)

** Người bị hại:* L.V.B, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Ph.L., xã T.H., huyện Ch.H, tỉnh T.Q. (có mặt tại phiên tòa)

** Người làm chứng:*

1. B.T.H, sinh năm 1959; trú tại: Thôn Ph.L., xã T.H., huyện Ch.H, tỉnh T.Q. (vắng mặt tại phiên tòa)

2. C.T.L, sinh năm 1970; trú tại: Thôn C., xã H.L, huyện Ch.H, tỉnh T.Q. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 17/11/2017, M.Đ.L trú tại thôn C., xã H.L, huyện Ch.H, tỉnh T.Q đến nhà anh L.V.B, trú tại thôn Ph.L., xã T.H., huyện Ch.H chơi. Đến nơi, M.Đ.L. thấy nhà anh L.V.B không có ai ở nhà, M.Đ.L. mở cửa đi vào gian bếp nhà anh L.V.B tìm cơm ăn thấy trên gùi nan tre để ở gần vách gian bếp có 01 chiếc máy khoan bê tông màu xanh, nhãn hiệu CROWN do Trung Quốc sản xuất. M.Đ.L. nảy sinh ý định lấy trộm chiếc máy khoan của anh L.V.B bán lấy tiền chi tiêu. Sau đó M.Đ.L. cầm lấy chiếc máy khoan nêu trên đem về cất giấu ở bụi cây ven đường cách nhà ở của mình khoảng 200m. Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 18/11/2017, H.Đ.L. đến vị trí cất giấu chiếc máy khoan mang đến nhà H.Đ.L trú cùng thôn để bán. Gặp H.Đ.L, M.Đ.L. hỏi "chú có mua máy khoan không?", H.Đ.L hỏi "máy mày lấy ở đâu?" M.Đ.L. trả lời "máy lấy ở nơi xa lắm, chú cứ yên tâm" (M.Đ.L hiểu ý H.Đ.L. nói chiếc máy khoan M.Đ.L. lấy trộm ở xa nên cứ yên tâm mua về sử dụng không sợ bị phát hiện), H.Đ.L hỏi "máy bán bao nhiêu?" M.Đ.L. trả lời "bán ba trăm nghìn đồng", H.Đ.L kiểm tra chiếc máy khoan thấy vẫn sử dụng được nên đồng ý mua và trả cho M.Đ.L. 300.000đ, số tiền này M.Đ.L. đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐTTHS ngày 17/01/2018 của Hội

đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ch.H kết luận: 01 chiếc máy khoan bê tông màu xanh, nhãn hiệu CROWN lắp mũi khoan 13 do Trung Quốc sản xuất tại thời điểm tháng 11/2017 có giá trị: 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: 01 máy khoan bê tông màu xanh, nhãn hiệu CROWN lắp mũi khoan 13 do Trung Quốc sản xuất. Ngày 26/02/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch.H đã trả lại cho anh L.V.B.

Tại phiên tòa các bị cáo H.Đ.L, M.Đ.L tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Bị cáo H.Đ.L không yêu cầu bị cáo M.Đ.L phải hoàn trả lại 300.000đ đã mua chiếc máy khoan.

Người bị hại L.V.B không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Bản Cáo trạng số 14/QĐ-VKSCH ngày 15/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch.H đã truy tố M.Đ.L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; truy tố H.Đ.L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Do đó, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo M.Đ.L, H.Đ.L và đề nghị HĐXX:

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; khoản 3 Điều 7; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo M.Đ.L từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo H.Đ.L từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo M.Đ.L có quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS 1999; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo M.Đ.L mức thấp nhất của khung hình phạt; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, ý kiến của người bào chữa, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ch.H xét thấy:

(1)Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thủ tục thu giữ, xử lý vật chứng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

(2) Về áp dụng pháp luật: Cáo trạng số 14/QĐ-VKSCH ngày 15/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch.H đã truy tố H.Đ.L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; truy tố H.Đ.L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999.

Khi so sánh pháp luật, do Điều 173 BLHS năm 2015 có mức hình phạt cao nhất nhẹ hơn so với Điều 138 BLHS 1999, nên H.Đ.L bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS 2015. Ngược lại, khi so sánh Điều 323 BLHS 2015 với Điều 250 BLHS 1999 có hình phạt chính bằng nhau, nhưng hình phạt bổ sung quy định tại Điều 250 BLHS 1999 nhẹ hơn nên H.Đ.L bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999 là đúng pháp luật.

(3) Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 của các điều luật nêu trên.

(4) Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo M.Đ.L có 01 tiền án (Ngày 12/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Ch.H tuyên phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc", chấp hành hình phạt chính xong ngày 18/6/2016), lần phạm tội này vào ngày 17/11/2017 là chưa được xóa án tích và bị cáo chưa chấp hành xong khoản tiền án phí, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 BLHS 2015, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, nhận tội, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn tình tiết tăng nặng, nhân thân bị cáo có các tiền sự đã được coi là tình tiết định tội trong trường hợp tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nên bị cáo được hưởng mức án thấp trong khung hình phạt là hợp lý.

Bị cáo H.Đ.L quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài ra bị cáo là con của người có công với cách mạng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo H.Đ.L là người sau khi phạm tội trong vụ án này còn bị xử lý hình sự trong vụ án khác nên cần cho bị cáo chịu án tù giam, nhưng do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, mức giá trị tại sản trong vụ án này không lớn, nên bị cáo H.Đ.L phải chịu mức án thấp nhất trong khung hình phạt là phù hợp.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội đều có tính chất vụ lợi, đã được hưởng một phần tiền thu lợi mà không bị yêu cầu bồi thường nhưng các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, riêng bị cáo M.Đ.L gia đình thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS 2015 và khoản 5 Điều 250 BLHS 1999.

(5)Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại L.V.B không yêu cầu bị cáo H.Đ.L phải bồi thường nên không đề cập xử lý; bị cáo H.Đ.L không yêu cầu bị cáo H.Đ.L phải hoàn trả lại 300.000đ đã mua chiếc máy khoan nên không đề cập xử lý.

(6) Vật chứng liên quan đến vụ án: 01 máy khoan bê tông màu xanh, nhãn hiệu CROWN lắp mũi khoan 13 do Trung Quốc sản xuất. Ngày 26/02/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch.H đã trả lại cho người bị hại L.V.B là đúng quy định nên không xem xét.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

1.1 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173, Khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 38, đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo M.Đ.L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo M.Đ.L 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (18/01/2018).

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999; Khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 38, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo H.Đ.L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Xử phạt: Bị cáo H.Đ.L 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành Bản án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14:

Bị cáo M.Đ.L và bị cáo H.Đ.L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 61; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/4/2018).

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án huyện;
- Sở tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Các bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tinhTQ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Việt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Huyên - Lê Xuân Tiếu **Hồ Hữu Việt**